

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/KDTM-PT**

Ngày: 16-10-2019

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và thuê tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các Thẩm phán: Ông **Lâm Văn Be**

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Huỳnh Thị Mộng Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2019/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và thuê tài sản.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐPT-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết bị Đình H;

Địa chỉ: Số 1C, nhóm Công nghiệp 3, đường số 10, khu Công nghiệp T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Trương Đình H – Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

+ Ông Lê Minh H - Chức vụ: Chuyên viên pháp lý Công ty là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 01/UQ-TA, ngày 21-01-2019).

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần Cao su N;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Nguyễn Phong P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật.

+ Ông Đinh Vũ Quốc H1, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 1168/33/41, đường T, phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ký ngày 11-01-2019).

- *Người kháng cáo*: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiết bị Đình H và Công ty cổ phần Cao su N.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-9-2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18-02-2019, ông Lê Minh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28-11-2013, Công ty TNHH Thiết bị Đình H (gọi tắt là Công ty Thiết bị Đình H) ký kết Hợp đồng số 29/HĐLT-LPG/NL-NT/2014, về việc đầu tư hệ thống đầu đốt, cung cấp khí ga sấy mủ cao su và mua bán khí đốt hóa lỏng với Công ty Cổ phần Cao su N (gọi tắt là Công ty Cao su N), thời hạn cung cấp khí đốt hóa lỏng là 12 năm, kể từ ngày ký hợp đồng. Ngày 22-02-2014, hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 01-14/PLHĐLT-LPG/NL-NT/2014, về việc thay đổi địa chỉ Công ty Cao su N; địa chỉ, số tài khoản và người đại diện Công ty Thiết bị Đình H; đổi từ ngũ khí đốt hóa lỏng ga, thành khí hóa lỏng ga.

Ngày 28-11-2013, Công ty Thiết bị Đình H lắp đặt bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt để cấp ga sấy mủ cao su cho Công ty Cao su N, tháng 4-2014 Công ty Thiết bị Đình H bắt đầu cung cấp khí hóa lỏng ga (gọi tắt là khí ga) cho Công ty Cao su N và thống nhất ngày 30 hàng tháng căn cứ vào chỉ số tiêu thụ khí ga của Công ty Cao su N để tính tiền và xuất hóa đơn, Công ty Thiết bị Đình H cung cấp khí ga đến hết tháng 12-2015 thì Công ty Cao su N không tiếp tục nhận khí ga của Công ty Thiết bị Đình H cho đến nay.

Theo hợp đồng, hàng năm Công ty Cao su N phải tiêu thụ tối thiểu 10.000 tấn khí ga, giá mỗi ký lô gam khí ga tính theo giá tại thời điểm thanh toán, khí ga mua tại cảng của Việt Nam, nhưng theo tỉ giá đồng USD. Từ tháng 4-2014

đến tháng 12-2015 Công ty Cao su N đã thanh toán tiền đầy đủ lượng khí ga tiêu thụ cho Công ty Thiết bị Đình H.

Cũng theo Hợp đồng số 29, khi cung cấp khí ga cho Công ty Cao su N, Công ty Thiết bị Đình H lắp đặt bồn chứa khí ga, hệ thống đầu đốt sấy mủ cao su để cho Công ty Cao su N thuê trong thời hạn 96 tháng (08 năm), giá thuê mỗi tháng là 11.000.000 đồng, bao gồm thuế VAT, Công ty Cao su N trả tiền thuê cho Công ty Thiết bị Đình H đến tháng 12-2016 thì ngưng cho đến nay. Sau khi Công ty Cao su N không tiếp nhận khí ga, không trả tiền thuê hệ thống bồn chứa, đầu đốt nhưng không có gửi văn bản nào cho Công ty Thiết bị Đình H.

Ngày 04-5-2017, tại trụ sở Công ty Cao su N, giữa Công ty Thiết bị Đình H và Công ty Cao su N có ghi nhận chung ý kiến như sau: Tiếp tục xem xét phương thức hợp lý để hai bên tiến tới chấm dứt Hợp đồng số 29; mỗi bên báo cáo xin ý kiến của Hội đồng quản trị về đề xuất của hai bên... Đây chỉ là ý kiến đề xuất của hai bên, chưa có quyết định nào của người có thẩm quyền của hai Công ty. Từ đó cho đến nay, Công ty Cao su N không có văn bản nào đàm phán tiếp với Công ty Thiết bị Đình H, do vậy Hợp đồng số 29 giữa hai Công ty đã ký vẫn còn hiệu lực.

Ông H đại diện cho Công ty Thiết bị Đình H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Cao su N trả số tiền cụ thể như sau:

- Tiền đền bù sản lượng khí hóa lỏng ga không đạt theo thỏa thuận trong hợp đồng từ tháng 01-2016 đến tháng 05-2019 là 3.333.333.000 đồng [(40 tháng x 10.000 tấn x 100.000 đồng): 12 năm].

- Tiền thuê bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 đến tháng 05-2019 là 308.000.000 đồng (11.000.000 đồng x 28 tháng) và giải quyết bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt theo quy định của pháp luật. Tổng cộng số tiền Công ty Thiết bị Đình H yêu cầu Công ty Cao su N trả là 3.641.333.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty Cao su N đền bù sản lượng khí ga không đạt từ tháng 01-2016 đến tháng 06-2019 là 3.416.666.000 đồng và tiền thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 đến tháng 6-2019 là 319.000.000 đồng, tổng cộng 3.735.666.000 đồng và tiếp tục thực hiện Hợp đồng số 29.

Ông Đình Vũ Quốc HI là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Công ty Cao su N có ký Hợp đồng số 29/HĐLT-LPG/NL-NT/2013, ngày 28-11-2013 và Phụ lục Hợp đồng số 01-14/PLHĐLT-LPG/NL-NT/2014, ngày 22-02-2014 với Công ty Thiết bị Đình H như lời trình bày của người đại diện Công ty Thiết bị Đình H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cao su N đã thanh toán tiền tiêu thụ khí ga đến tháng 12-2015; thanh toán tiền thuê bồn và hệ thống đầu đốt đến tháng 12-2016. Từ năm 2016, giá mủ cao su trong nước và thế giới liên tục giảm dẫn đến việc kinh doanh của Công ty Cao su N thua lỗ trầm trọng, nhà máy phải giảm sản lượng thậm chí phải dừng hoạt động. Do đó, Công ty Cao su N đã gặp Công ty Thiết bị Đình H đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thể hiện qua biên bản làm việc ngày 20-01-2017 và ngày 04-5-2017.

Công ty Thiết bị Đình H yêu cầu Công ty Cao su N trả số tiền đền bù sản lượng tiêu thụ khí ga không đạt theo thỏa thuận từ tháng 01-2016 đến tháng 05-2019 là 3.333.333.000 đồng; tiền thuê bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 đến tháng 05-2019 là 308.000.000 đồng, thì ông H1 trình bày ý kiến như sau:

- Đối với số tiền đền bù sản lượng khí ga tiêu thụ không đạt theo thỏa thuận, Công ty Cao su N không đồng ý với cách tính của Công ty Thiết bị Đình H, vì theo Khoản 6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29 không quy định rõ định mức “10.000 tấn” trong một năm là số lượng khí ga hay sản lượng thành phẩm mủ cao su, do đó phía Công ty Thiết bị Đình H yêu cầu trên sản lượng khí ga thiếu hụt là không có cơ sở để tính chi phí đền bù. Cũng theo quy định tại Khoản 6.1.7 Điều VI “nếu sản lượng dưới định mức thì bên mua bù chi phí đầu tư cho bên bán với mức 100.000 đồng cho 01 tấn cao su còn thiếu so với sản lượng định mức”, nếu hiểu theo quy định này thì bên mua chỉ đền bù chi phí đầu tư đã khấu hao bên bán bỏ ra. Do đó, Công ty Cao su N vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố theo đơn yêu cầu ngày 19-01-2018, về việc tuyên vô hiệu Khoản 6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29, ký ngày 28-11-2013 giữa hai Công ty. Tuy nhiên, Công ty Cao su N đồng ý đền bù sản lượng khí ga không đạt theo thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty Thiết bị Đình H số tiền 1.045.000.000 đồng.

- Về tiền thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 Công ty Cao su N đã có biên bản làm việc với Công ty Thiết bị Đình H về việc chấm dứt hợp đồng và không sử dụng bồn chứa khí ga và hệ thống đầu đốt, nhưng Công ty Cao su N đồng ý trả tiền thuê từ tháng 01-2017 đến tháng 05-2017 là 55.000.000 đồng và đồng ý hỗ trợ Công ty Thiết bị Đình H 100.000.000 đồng tiền di dời bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt.

Tổng số tiền Công ty Cao su N đồng ý trả cho Công ty Thiết bị Đình H 1.200.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu Công ty Thiết bị Đình H thu hồi bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt trở về.

Ông H1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cao su N luôn tôn trọng thỏa thuận giữa các bên và

thực hiện đúng cam kết, Công ty Cao su N đã thanh toán đầy đủ tiền mua khí ga đến tháng 12-2015, tiền thuê bồn ga và hệ thống đầu đốt đến tháng 12-2016. Do chi phí nhiên liệu sấy mũ cao su bằng khí ga giá thành cao hơn sấy mũ cao su bằng dầu DO, nên từ đầu năm 2015 Công ty Cao su N lập phương án chuyển đổi dây chuyền sản xuất và đề nghị Công ty Thiết bị Đình H hỗ trợ, nhưng không được chấp nhận; từ đầu năm 2017 Công ty Cao su N chủ động gặp Công ty Thiết bị Đình H để chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, nhưng 02 bên chưa thống nhất chi phí cho thanh lý hợp đồng.

Tại phiên tòa, Công ty Cao su N đồng ý hỗ trợ Công ty Thiết bị Đình H tiền chi phí đầu tư là 1.110.000.000 đồng; hỗ trợ tiền thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt là 290.000.000 đồng, tổng cộng là 1.400.000.000 đồng và yêu cầu Công ty Thiết bị Đình H thu hồi lại bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 10-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các Điều 128, 137, 428, 480 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 24, 34, 50, 269, khoản 4 Điều 271 Luật Thương mại năm 2005;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thiết bị Đình H yêu cầu Công ty Cổ phần Cao su N trả tiền đền bù sản lượng khí hóa lỏng ga không đạt theo thỏa thuận trong hợp đồng từ tháng 01-2016 đến tháng 6-2019 là 3.416.666.000 đồng; tiền thuê bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 đến tháng 6-2019 là 319.000.000 đồng, tổng cộng 3.735.666.000 đồng (ba tỷ, bảy trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Cao su N. Tuyên bố Khoản 6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29/PLHDLT-LPG/NL-NT/2013” ký ngày 28-11-2013 là vô hiệu.

3. Tuyên bố Hợp đồng “Đầu tư hệ thống đầu đốt và cấp ga sấy mũ cao su và mua bán khí đốt hóa lỏng (LPG) số 29/HDLT-LPG/NL-NT/2013” ký ngày 28-11-2013 giữa ông Trương Đình H đại diện Công ty TNHH Thiết bị Đình H với ông Nguyễn Văn Thanh đại diện Công ty Cổ phần Cao su N vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

4. Ghi nhận Công ty Cổ phần Cao su N tự nguyện hỗ trợ cho Công ty TNHH Thiết bị Đình H chi phí đầu tư số tiền 1.110.000.000.đồng (một tỷ, một trăm mười triệu đồng); hỗ trợ tiền thuê bồn, hệ thống đầu đốt số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng), tổng cộng 1.400.000.000 đồng (một tỷ, bốn trăm triệu đồng);

5. Công ty TNHH Thiết bị Đình H có trách nhiệm thu hồi, di dời 01 bồn chứa ga; 01 hàng rào bảo vệ, khung sắt + lưới B40; đường ống dẫn khí ga; 01 đồng hồ đo lưu lượng khí ga; 02 đầu đốt (có ảnh chụp kèm theo) ra khỏi cơ sở Công ty Cổ phần Cao su N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22-7-2019, Công ty Thiết bị Đình H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Thiết bị Đình H và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, với lý do:

- Trong quá trình hai Công ty thỏa thuận đàm phán ký kết Hợp đồng số 29 và Phụ lục hợp đồng số 01-14 ngày 22-02-2014, các bên đã biết rõ quyền và trách nhiệm đối với những điều khoản của hợp đồng nên Công ty Cao su N không thể nói là nhầm lẫn.

- Sở dĩ, Hợp đồng số 29 có thời gian cho thuê là 08 năm và thời gian mua bán khí hóa lỏng ga là 12 năm là vì Công ty Thiết bị Đình H bỏ toàn bộ vốn đầu tư hệ thống đầu đốt và cấp ga sấy mũ cao su nên cần phải có thời gian dài bán ga thì mới thu hồi được vốn đầu tư ban đầu;

- Việc hợp đồng có thỏa thuận việc mua bán bằng đồng đô la Mỹ là vì đây là mặt hàng đặc thù phải nhập khẩu từ nước ngoài nên có sự ảnh hưởng biến động về giá rất lớn của thị trường thế giới và cũng tại điều khoản của hợp đồng hai bên đều thống nhất thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá của Ngân hàng Vietcombank TP.Hồ Chí Minh. Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng hai Công ty đều sử dụng đồng tiền Việt Nam để thanh toán và xuất hóa đơn VAT.

- Xét lỗi vi phạm hợp đồng thì lỗi thuộc về Công ty Cao su N vì họ đã không thực hiện đúng cam kết thỏa thuận.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Cao su N đã đồng ý thanh toán tiền thuê bồn ga và hệ thống đầu đốt từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2019 là 29 tháng với số tiền là 290.000.000 đồng; đồng nghĩa rằng cả năm 2016, 2017, 2018 và 06 tháng đầu năm 2019 Công ty Cao su N vẫn sử dụng bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt do Công ty Thiết bị Đình H đầu tư lắp đặt.

Ngày 24-7-2019, Công ty Cao su N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung ghi nhận Công ty Cao su N hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 1.400.000.000 đồng, với lý do Công ty Cao su N chỉ đồng ý hỗ trợ số tiền này thay thế cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vụ án được hòa giải thành. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn

không đồng ý với mức hỗ trợ này của bị đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kết quả hòa giải của vụ án không thành nên Công ty Cao su N không đồng ý hỗ trợ cho Nguyên đơn chi phí tổng cộng là 1.400.000.000 đồng.

Ngày 09-8-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-KDTM đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Nội dung thỏa thuận của các bên quy định trong Hợp đồng số 29 và quá trình thực hiện hợp đồng trên thực tế của các bên xác định được việc thanh toán là bằng tiền Việt Nam đồng. Căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 3 mục I của Nghị quyết 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các vụ án kinh tế thì trong trường hợp này hợp đồng không bị vô hiệu toàn bộ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng số 29 vô hiệu toàn bộ nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, từ đó không xem xét đến các nội dung khác của hợp đồng khi giải quyết tranh chấp là không toàn diện, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của đương sự.

- Về án phí, trong vụ án này, Công ty Cao su N yêu cầu phản tố, yêu cầu tuyên bố khoản 6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29 vô hiệu. HĐXX cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết đối với yêu cầu trên nhưng không tuyên buộc đương sự chịu án phí (trường hợp này là án phí không có giá ngạch) là thiếu sót, không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty Thiết bị Đình H; chấp nhận kháng cáo của Công ty Cao su N; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không xác định Hợp đồng số 29 vô hiệu toàn bộ; ghi nhận Công ty Thiết bị Đình H đồng ý chấm dứt Hợp đồng số 29 trước thời hạn và Công ty Thiết bị Đình H tự nguyện di dời hệ thống đầu đốt sấy mủ cao su đã lắp đặt; không ghi nhận Công ty Cao su N hỗ trợ cho Công ty Thiết bị Đình H số tiền 1.400.000.000 đồng; buộc Công ty Cao su N bồi thường cho Công ty Thiết bị Đình H số tiền 3.706.766.000 đồng; tuyên buộc đương sự chịu án phí đối với yêu cầu tuyên bố khoản 6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của Công ty Thiết bị Đình H và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thì thấy rằng:

Ngày 28-11-2013, Công ty Thiết bị Đình H và Công ty Cao su N ký kết Hợp đồng đầu tư hệ thống đầu đốt và cấp ga sấy mũ cao su và mua bán khí đốt hóa lỏng (LPG) số 29/HĐLT-LPG/NL-NT/2013. Ngày 22-02-2014, hai Công ty tiếp tục ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01-14/PLHĐLT-LPG/NL-NT/2014. Việc ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng của các bên trên cơ sở tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật.

[1.1] Tại khoản 1.2 Điều I của Hợp đồng số 29 ghi rõ:

“Đồng tiền thanh toán là Vnd. Giá cả được xác định theo nguyên tắc tính sau:

$$\text{Giá mua bán LPG} = [(CP+120)*(1+T)+150]*1.1$$

Trong đó: CP là trung bình cộng giữa các chỉ số giá Propane (C₃H₈) và Butane (C₄H₁₀) theo tỷ lệ 50/50 do Công ty Aramco (Arap Saudi) công bố hàng tháng (chỉ số này được áp dụng phổ biến trong giao dịch LPG trên thị trường thế giới và Việt Nam); 120 (USD) các chi phí vận chuyển quốc tế, phí bảo hiểm và chi phí khác để nhập khẩu LPG về Việt Nam; 150 (USD) chi phí vận chuyển nội địa, phí sử dụng kho (gồm kho trung chuyển và kho sử dụng của Đình H tại khách hàng), phí tồn trữ hao hụt, phí bảo hiểm, chi phí tài chính, phí bảo trì, bảo dưỡng đầu đốt lò sấy...

...Vào ngày 30 mỗi tháng, căn cứ theo chỉ số CP và tỷ giá bán đô la Mỹ của Vietcombank TP.HCM công bố, Bên Bán sẽ phát hành báo giá theo đơn vị là đồng/tấn. Báo giá này là cơ sở để Bên Bán xuất hóa đơn GTGT”.

Tại khoản 1.3.2 Điều 1 của Hợp đồng số 29 cũng ghi: *“Bên A thanh toán tiền thuê bồn ga bao gồm VAT là 11.000.000 đồng cho mỗi tháng”.*

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều trình bày thống nhất Công ty Thiết bị Đình H nhập khẩu khí ga của nước ngoài và các bên tính giá trên cơ sở giá khí ga nhập khẩu bằng đồng đô la Mỹ, sau đó nhân với 10% lợi nhuận nhằm đảm bảo tính bình ổn giá khí ga theo giá thị trường thế giới. Tuy nhiên, đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng.

[1.2] Tại các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Thiết bị Đình H (bút lục từ 737-773); các Phiếu chuyển khoản thanh toán của Công ty Cao su N đều ghi số tiền thanh toán theo đơn vị tiền Việt Nam đồng (bút lục 736); Sổ chi tiết công nợ từ tháng 01-2015 đến tháng 12-2015 giữa Công ty Thiết bị Đình H và Công ty Cao su N cũng ghi số tiền nợ theo đơn vị tiền Việt Nam đồng (bút lục 733-735).

Như vậy, trên cơ sở Hợp đồng số 29, giá mua bán LPG được tính theo đồng đô la Mỹ nhằm đảm bảo tính bình ổn giá thị trường và ghi rõ đây là nguyên tắc tính giá, đồng thời các bên thỏa thuận đồng tiền thanh toán là tiền Việt Nam đồng sau khi quy đổi theo tỷ giá đô la Mỹ của Ngân hàng Công thương Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trên thực tế, các bên đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng số 29 là thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng.

Theo điểm b khoản 3 Mục I của Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27-5-2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các vụ án kinh tế: “*Nếu trong nội dung của hợp đồng kinh tế các bên có thỏa thuận giá cả, thanh toán bằng ngoại tệ trong khi đó một hoặc các bên không được phép thanh toán bằng ngoại tệ, nhưng sau đó các bên có thỏa thuận thanh toán bằng Đồng Việt Nam hoặc trong nội dung của hợp đồng kinh tế các bên thỏa thuận sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền định giá (để bảo đảm ổn định giá trị của hợp đồng) nhưng việc thanh toán là bằng Đồng Việt Nam, thì hợp đồng kinh tế không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh HĐKT và do đó không bị coi là vô hiệu toàn bộ*”.

Do đó, việc các bên thỏa thuận nguyên tắc tính giá trên cơ sở đồng đô la Mỹ không làm Hợp đồng số 29 vô hiệu.

[1.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn cho rằng Công ty Cao su N đã có sự nhầm lẫn và bị lừa dối về mức hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống sấy mủ cao su khi đồng ý ký kết khoản 6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29 và yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng số 29 vô hiệu theo Điều 126 và Điều 127 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên các bên đều thừa nhận tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, Hợp đồng được các bên thực hiện liên tục trong khoảng thời gian gần 02 năm nhưng Công ty Cao su N vẫn không có ý kiến gì, khi hai bên gặp nhau bàn bạc để chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cũng không đề cập đến vấn đề này và bị đơn Công ty Cao su N không cung cấp chứng cứ chứng minh cho sự nhầm lẫn và bị lừa dối nên không có cơ sở tuyên bố khoản

6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29 vô hiệu do nhằm dẫn hoặc bị lừa dối nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[2] Xét việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của Công ty Cao su N:

Khoản 5.4 Điều V của Hợp đồng số 29 quy định: “...*chi phí sấy mũ bằng ga tăng cao hơn chi phí sấy mũ bằng dầu DO trong khoảng thời gian 06 tháng... thì bên A có quyền chuyển đổi sang dầu đốt bằng DO để kịp thời sản xuất, đồng thời bên B sẽ hỗ trợ bên A về mặt kỹ thuật cho việc chuyển đổi được đảm bảo an toàn*”.

Nguyên nhân Công ty Cao su N không thực hiện hợp đồng mua bán khí ga từ tháng 01-2016 là do sấy mũ cao su bằng khí ga có giá thành cao hơn sấy bằng nhiệt đốt từ củi trấu nên chuyển sang sử dụng hệ thống sấy cao su gián tiếp bằng lò dầu tải nhiệt, sử dụng nhiên liệu đốt là củi trấu tiết kiệm nhiên liệu hơn 20-30%. Các bên thỏa thuận Công ty Cao su N được chuyển sang sấy mũ cao su bằng dầu đốt dầu DO nhưng Công ty Cao su N đổi sang phương thức sấy bằng nhiệt đốt từ nhiên liệu dùng đốt lò biomass là không đúng theo thỏa thuận tại khoản 5.4 Điều V của Hợp đồng số 29.

Công ty Cao su N trình bày rằng năm 2015 Công ty lập phương án chuyển đổi dây chuyền sấy mũ cao su bằng dầu DO, đề nghị Công ty Thiết bị Đình H hỗ trợ và không được chấp nhận, nhưng Công ty Cao su N không cung cấp được chứng cứ về lời trình bày này.

Hơn nữa, Hợp đồng số 29 không quy định cụ thể về điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Tại các biên bản làm việc ngày 20-01-2017 (bút lục số 728), biên bản làm việc ngày 04-5-2017 (bút lục số 724) giữa Công ty Thiết bị Đình H và Công ty Cao su N đều thể hiện các bên có bàn bạc về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng chưa đạt được thỏa thuận.

Do đó, Công ty Cao su N chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng không được sự đồng ý của Công ty Thiết bị Đình H là có lỗi, gây thiệt hại cho Công ty Thiết bị Đình H nên phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty Thiết bị Đình H. Thiệt hại được xác định là khoản lợi mà Công ty Thiết bị Đình H được nhận theo hợp đồng từ thời điểm Công ty Cao su N không thực hiện đúng hợp đồng.

Theo khoản 6.1.7 Điều VI của Hợp đồng số 29, các bên cam kết sử dụng ga với sản lượng định mức 10.000 tấn/năm, nếu dưới sản lượng định mức thì bên mua bù chi phí đầu tư cho bên bán với mức 100.000 đồng/tấn còn thiếu. Xét thấy sản lượng khí ga không đạt định mức từ tháng 01-2016 đến tháng 6-2019 là 3.416.666 tấn với đơn giá đền bù là 100.000 đồng/tấn tương đương số tiền là

3.416.666.000 đồng. Do đó, Công ty Thiết bị Đình H yêu cầu Công ty Cao su N thanh toán số tiền đền bù sản lượng là 3.416.666.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét việc chấm dứt Hợp đồng số 29 trước thời hạn về nội dung thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt thì thấy rằng tình huống vụ án này tương tự như tình huống Án lệ số 21/2018/AL được công bố ngày 06-11-2018. Hợp đồng số 29 các bên thỏa thuận về việc cho thuê bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt trong thời hạn 96 tháng kể từ ngày bàn giao, không quy định về điều kiện chấm dứt hợp đồng nhưng Công ty Cao su N đã chấm dứt hợp đồng trước thời hạn từ ngày 01-01-2017 và không được sự đồng ý của Công ty Thiết bị Đình H, gây thiệt hại cho Công ty Thiết bị Đình H.

Do đó, theo Án lệ số 21/2018/AL phải xác định Công ty Cao su N có lỗi và phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho Công ty Thiết bị Đình H. Thiệt hại thực tế cần xem xét là khoản tiền cho thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt trong thời gian còn lại của hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty Thiết bị Đình H khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn Công ty Cao su N thanh toán số tiền thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 đến tháng 06-2019 là 29 tháng x giá thuê theo hợp đồng là 11.000.000 đồng/tháng tương đương số tiền là 319.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền cho thuê trong thời gian còn lại của hợp đồng là có lợi cho phía bị đơn nên chỉ buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 đến tháng 06-2019, khấu trừ tiền thuế giá trị gia tăng 10% là 31.900.000 đồng, còn lại là 287.100.000 đồng là phù hợp.

[4] Từ những nhận định trên xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, chấp nhận kháng cáo của Công ty Thiết bị Đình H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cao su N thanh toán cho Công ty Thiết bị Đình H số tiền tổng cộng là 3.703.766.000 đồng, trong đó số tiền đền bù sản lượng là 3.416.666.000 đồng, tiền thuê bồn chứa ga, hệ thống đầu đốt là 287.100.000 đồng.

[5] Xét kháng cáo của Công ty Cao su N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung ghi nhận Công ty Cao su N hỗ trợ cho Công ty Thiết bị Đình H số tiền 1.400.000.000 đồng thì thấy rằng bị đơn không còn tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền 1.400.000.000 đồng và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Thiết bị Đình H, buộc Công ty Cao su N trả cho Công ty Thiết bị Đình H số tiền 3.703.766.000 đồng nên việc ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cao su N như

bản án sơ thẩm là không còn phù hợp, do đó cần chấp nhận kháng cáo của Công ty Cao su N, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa, Công ty Thiết bị Đình H đồng ý chấm dứt Hợp đồng số 29 nên cần ghi nhận.

Công ty Thiết bị Đình H có trách nhiệm tự thu hồi, di dời 01 bồn chứa ga; 01 hàng rào bảo vệ, khung sắt + lưới B40; đường ống dẫn khí ga; 01 đồng hồ đo lưu lượng khí ga; 02 đầu đốt ra khỏi cơ sở Công ty Cổ phần Cao su N.

[8] Về chi phí tố tụng: Công ty Thiết bị Đình H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 500.000 đồng. Ghi nhận đã nộp xong.

[9] Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về tiền án phí đối với yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến án phí khi giải quyết hợp đồng vô hiệu là thiếu sót nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về phần án phí, sửa án phí sơ thẩm. Do yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu của Công ty Cao su N không được chấp nhận nên theo Khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Công ty Cao su N phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại không có giá ngạch là 3.000.000 đồng.

Do sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần sửa án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau:

+ Công ty Thiết bị Đình H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà Công ty Thiết bị Đình H đã nộp.

+ Công ty Cao su N phải trả cho Công ty Thiết bị Đình H số tiền 3.703.766.000 đồng nên phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (3.703.766.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 106.075.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các bên đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 424, 426, 480 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 24, 34, 50, 269, 271, 302, 303, 306 Luật Thương mại năm 2005; Án lệ số 21/2018/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng Nghị số 05/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thiết bị Đình H.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Cao su N.

Sửa bản án sơ thẩm.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thiết bị Đình H đối với Công ty Cổ phần Cao su N.

Buộc Công ty Cổ phần Cao su N có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thiết bị Đình H số tiền 3.703.766.000 đồng (ba tỷ bảy trăm lẻ ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), trong đó số tiền đền bù sản lượng khí hóa lỏng ga không đạt theo thỏa thuận trong hợp đồng từ tháng 01-2016 đến tháng 6-2019 là 3.416.666.000 đồng; tiền thuê bồn chứa ga và hệ thống đầu đốt từ tháng 01-2017 đến tháng 6-2019 là 287.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của bên thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Cao su N.

1.3. Ghi nhận Công ty TNHH Thiết bị Đình H đồng ý chấm dứt Hợp đồng “Đầu tư hệ thống đầu đốt và cấp ga sấy mủ cao su và mua bán khí đốt hóa lỏng (LPG) số 29/HĐLT-LPG/NL-NT/2013” ký ngày 28-11-2013 giữa Công ty TNHH Thiết bị Đình H với Công ty Cổ phần Cao su N.

Công ty TNHH Thiết bị Đình H có trách nhiệm tự thu hồi, di dời 01 bồn chứa ga; 01 hàng rào bảo vệ, khung sắt + lưới B40; đường ống dẫn khí ga; 01 đồng hồ đo lưu lượng khí ga; 02 đầu đốt ra khỏi cơ sở Công ty Cổ phần Cao su N.

Không ghi nhận Công ty Cổ phần Cao su N hỗ trợ cho Công ty TNHH Thiết bị Đình H số tiền 1.400.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH Thiết bị Đình H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn). Ghi nhận đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thiết bị Đình H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho Công ty TNHH Thiết bị Đình H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.820.006 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn không trăm lẻ sáu đồng) theo biên lai thu số 0009723 ngày 29-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Công ty TNHH Thiết bị Đình H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.139.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015056 ngày 28-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Công ty Cổ phần Cao su N phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí Công ty Cổ phần Cao su N đã nộp theo biên lai thu số 0010584 ngày 26-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Cao su N phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 106.075.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (làm tròn số) đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH Thiết bị Đình H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả cho Công ty TNHH Thiết bị Đình H số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015660 ngày 23-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Công ty Cổ phần Cao su N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả cho Công ty Cổ phần Cao su N số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015662 ngày 25-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- CCTHADS Quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Ánh Nguyệt